

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Số: **23** /2022/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Trị, ngày 31 tháng 5 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn
ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững
giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 79/TTr-UBND ngày 11/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị với các nội dung và phụ lục kèm theo như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn Quảng Trị là căn cứ để lập kế hoạch giai đoạn, hàng năm nguồn ngân sách nhà nước của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây viết tắt là Chương trình) cho các cấp, các ngành, địa phương và đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

b) Đối tượng áp dụng

- Các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị cấp tỉnh (gọi tắt là sở, ngành); các huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là các huyện); các xã, phường, thị trấn (gọi tắt là các xã) và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 để thực hiện Chương trình.

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc lập, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

2. Nguyên tắc phân bổ vốn

a) Tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định liên quan.

b) Bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ngành và địa phương.

c) Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Chương trình đề ra; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, trọng tâm là huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

d) Việc phân bổ cụ thể ngân sách nhà nước và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương phải phù hợp với tình hình thực tế, khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; mục tiêu, nhiệm vụ, dự kiến kết quả thực hiện kế hoạch hàng năm và tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công, kết quả thực hiện đầu tư công năm trước.

đ) Không phân bổ vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.

e) Đối với các dự án, tiểu dự án thực hiện trên địa bàn liên huyện (liên vùng) thì phân bổ vốn cho các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh chủ trì thực hiện. Đối với các dự án, tiểu dự án thực hiện trên địa bàn 01 huyện (liên xã) thì phân bổ vốn cho huyện chủ trì thực hiện.

f) Các địa phương không bố trí đủ vốn đối ứng trong năm kế hoạch theo quy định, khi phân bổ kế hoạch năm sau, ngân sách tỉnh sẽ trừ tương ứng với số vốn đối ứng còn thiếu của địa phương.

3. Quy định chung về tiêu chí phân bổ vốn

a) Quy mô dân số, hộ nghèo, hộ cận nghèo; tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ hộ cận nghèo của các huyện để tính hệ số được xác định căn cứ vào quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025.

b) Huyện khu vực miền núi, vùng cao, biên giới đất liền; đơn vị hành chính cấp xã để tính hệ số được xác định căn cứ vào quyết định của cơ quan có thẩm quyền đến ngày 31/12/2020.

c) Huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo do cấp có thẩm quyền phê duyệt theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025.

d) Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên phân theo địa giới hành chính cấp huyện để tính hệ số căn cứ số liệu công bố theo Niên giám Thống kê tỉnh Quảng Trị năm 2020.

đ) Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi để tính hệ số căn cứ số liệu năm 2020 theo báo cáo của Sở Y tế.

e) Số trường cao đẳng, trung cấp giáo dục nghề nghiệp công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập của tỉnh để tính hệ số căn cứ vào số lượng thực tế tính đến 31/12/2020. Số lượng tuyển sinh trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố để tính hệ số căn cứ báo cáo kết quả tuyển sinh năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị.

f) Trường hợp địa bàn đáp ứng nhiều chỉ số trong cùng một tiêu chí phân bổ vốn thì áp dụng chỉ số có hệ số phân bổ vốn cao nhất.

4. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình

Trên cơ sở nguồn ngân sách trung ương được phân bổ, vốn đối ứng ngân sách địa phương đảm bảo tối thiểu 10% và được quy định cụ thể như sau:

a) Đối với các sở, ngành và huyện nghèo Đakrông, huyện đảo Cồn Cỏ: Ngân sách cấp tỉnh đảm bảo 100% vốn đối ứng.

b) Các huyện, thị xã, thành phố có tỷ lệ hộ nghèo từ 25% trở lên: Ngân sách cấp tỉnh đảm bảo 50% và ngân sách cấp huyện đảm bảo 50% phần vốn đối ứng.

c) Các huyện thị xã, thành phố còn lại (tỷ lệ hộ nghèo dưới 25%): Ngân sách cấp huyện đảm bảo 100% phần vốn đối ứng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị Khóa VIII, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 31 tháng 5 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2022./.

Nơi nhận:

- UBND, Chính phủ;
- Các Bộ LĐTBXH; KHĐT, TC; NN&PTNT; XD; TTTT;
- Cục KTVBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế các Bộ LĐTBXH, KHĐT, Tài chính;
- TT.TU, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo QT, Đài PT-TH tỉnh;
- Trung tâm TH - CB tỉnh;
- Lưu VT, D.

206

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đăng Quang



Phụ lục I
TỶ LỆ, TIÊU CHÍ, HỆ SỐ PHÂN BỐ VỐN CÁC DỰ ÁN, TIÊU DỰ ÁN
THÀNH PHẦN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢI
NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ

(Kèm theo Nghị quyết số: 23/2022/NQ-HĐND ngày 31/5/2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)

I. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo

1. Phân bổ 100% vốn ngân sách trung ương của Dự án 1 cho huyện nghèo ĐaKrông, các huyện có xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

2. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo ĐaKrông

a) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho huyện nghèo ĐaKrông

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Quy mô dân số của huyện	0,17
2. Tiêu chí 2: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	0,41
3. Tiêu chí 3: Đặc điểm địa lý của huyện nghèo	0,14
4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	0,12
Tổng cộng hệ số	0,84

b) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện nghèo ĐaKrông

- Vốn hỗ trợ đầu tư phát triển của ngân sách trung ương cho huyện nghèo ĐaKrông được tính theo công thức:

$$A = Q \times X = Q \times 0,84$$

Trong đó:

A là vốn ngân sách phân bổ cho huyện nghèo ĐaKrông

Q là định mức bình quân cho 1 huyện nghèo do trung ương phân bổ

X là tổng số hệ số theo các tiêu chí của huyện nghèo ĐaKrông

(Trong trường hợp trung ương phân bổ ghi trực tiếp cho huyện nghèo ĐaKrông thì không áp dụng công thức trên mà A bằng số vốn trung ương phân bổ).

- Vốn sự nghiệp duy tu bảo dưỡng: Bằng 10% vốn đầu tư phát triển của ngân sách trung ương theo kế hoạch vốn đầu tư phát triển trung hạn.

3. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn (sau đây viết tắt là ĐBK) vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo

a) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện

Tiêu chí	Hệ số
Xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển	1
Huyện đảo Côn Cỏ	3

b) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện

- Vốn đầu tư phát triển của ngân sách trung ương phân bổ cho xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo được tính theo công thức:

$$B_i = Q \times X_i$$

Trong đó:

B_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho xã thứ i

X_i là hệ số tiêu chí của xã thứ i .

Q là vốn bình quân cho một xã được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

G là tổng số vốn đầu tư phát triển của ngân sách trung ương phân bổ cho các xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo để thực hiện Dự án 1.

- Vốn sự nghiệp duy tu bảo dưỡng: Bằng 10% tổng vốn đầu tư phát triển của ngân sách trung ương theo kế hoạch vốn đầu tư phát triển trung hạn của từng huyện.

II. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

1. Phân bổ 100% vốn ngân sách trung ương của Dự án 2 cho các huyện.

2. Tiêu chí, hệ số và phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện

a) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của các huyện	
- Dưới 8%	0,4
- Từ 8% đến dưới 15%	0,5
- Từ 15% đến dưới 25%	0,6
- Từ 25% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của các huyện	
- Dưới 1.200 hộ	0,4
- Từ 1.200 hộ đến dưới 2.400 hộ	0,45
- Từ 2.400 hộ đến dưới 3.600 hộ	0,5
- Từ 3.600 hộ trở đến dưới 4.800 hộ	0,6
- Từ 4.800 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,7

A

Tiêu chí	Hệ số
- Từ 6.000 hộ đến dưới 7.200 hộ	0,8
- Từ 7.200 hộ trở lên	0,9
3. Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
- Huyện nghèo	0,12
- Mỗi một xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	0,015
4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	
Mỗi xã/phường/thị trấn	0,0092

b) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$C_i = Q \times X_i \times Y_i$$

Trong đó:

C_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i theo công thức:

$$Y_i = (0,12 \times HN + 0,015 \times XN_i) \times 2,5 + ĐV_i$$

HN (1; 0) huyện nghèo = 1; huyện không nghèo = 0

XN_i là số xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo của huyện thứ i

$ĐV_i$ là tổng hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \times Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh để thực hiện Dự án 2 của Chương trình.

III. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

1. Phân bổ 100% vốn ngân sách trung ương của Dự án 3 cho các huyện.

2. Tiêu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của các huyện	
- Dưới 8%	0,4

Tiêu chí	Hệ số
- Từ 8% đến dưới 15%	0,5
- Từ 15% đến dưới 25%	0,6
- Từ 25% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của các huyện	
- Dưới 1.200 hộ	0,4
- Từ 1.200 hộ đến dưới 2.400 hộ	0,45
- Từ 2.400 hộ đến dưới 3.600 hộ	0,5
- Từ 3.600 hộ trở đến dưới 4.800 hộ	0,6
- Từ 4.800 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,7
- Từ 6.000 hộ đến dưới 7.200 hộ	0,8
- Từ 7.200 hộ trở lên	0,9
3. Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
- Huyện nghèo	0,12
- Mỗi một xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	0,015
4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	
Mỗi xã/phường/thị trấn	0,0092

b) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$\mathbf{Đ}_i = \mathbf{Q} \times \mathbf{X}_i \times \mathbf{Y}_i$$

Trong đó:

$\mathbf{Đ}_i$ là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i

\mathbf{X}_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i

\mathbf{Y}_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i theo công thức:

$$\mathbf{Y}_i = (0,12 \times \mathbf{HN} + 0,015 \times \mathbf{XN}_i) \times 2,5 + \mathbf{ĐV}_i.$$

\mathbf{HN} (1; 0) huyện nghèo = 1; huyện không nghèo = 0

\mathbf{XN}_i là số xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo của huyện thứ i

$\mathbf{ĐV}_i$ là tổng hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i

\mathbf{Q} là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$\mathbf{Q} = \frac{\mathbf{G}}{\sum_{i=1}^n \mathbf{X}_i \times \mathbf{Y}_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh để thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3 của Chương trình.

3. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

a) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Địa bàn khó khăn	
- Huyện nghèo	0,12
- Mỗi một xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	0,015
2. Tiêu chí 2: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	
Mỗi xã/phường/thị trấn	0,0092
3. Tiêu chí 3: Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi của huyện	
- Trên 20%	1,6
- Từ 15% đến 20%	1,4
- Từ 10% đến dưới 15%	1,2
- Dưới 10%	1

b) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$E_i = Q \times Y_i \times DD_i$$

Trong đó:

E_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i

DD_i là hệ số tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi của huyện thứ i

Y_i là tổng hệ số tiêu chí địa bàn khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i theo công thức:

$$Y_i = (0,12 \times HN + 0,015 \times XN_i) \times 3 + ĐV_i$$

HN (1; 0) huyện nghèo = 1; huyện không nghèo = 0

XN_i là số xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo của huyện thứ i

$ĐV_i$ là tổng hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \times DD_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương để phân bổ cho các tỉnh để thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3 của Chương trình.

IV. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

1. Tiêu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

a) Vốn đầu tư phát triển

- Phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương của Tiêu dự án: tối đa 20% cho các Sở, ngành; tối thiểu 80% cho các huyện.

- Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
- Dưới 8%	0,4
- Từ 8% đến dưới 15%	0,5
- Từ 15% đến dưới 25%	0,6
- Từ 25% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
- Dưới 1.200 hộ	0,4
- Từ 1.200 hộ đến dưới 2.400 hộ	0,45
- Từ 2.400 hộ đến dưới 3.600 hộ	0,5
- Từ 3.600 hộ trở đến dưới 4.800 hộ	0,6
- Từ 4.800 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,7
- Từ 6.000 hộ đến dưới 7.200 hộ	0,8
- Từ 7.200 hộ trở lên	0,9
3. Tiêu chí 3: Số trường cao đẳng, trung cấp giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn của huyện	
- Có 01 trường	0,5
- Có 02 trường	0,6
- Có từ 03 trường trở lên	0,7
4. Tiêu chí 4: Số lượng tuyển sinh trên địa bàn các huyện	
- Dưới 200 người/năm	0,5
- Từ 200 người/năm đến dưới 400 người/năm	0,6
- Từ 400 người/năm trở lên	0,7

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$H_i = Q \times X_i$$

Trong đó:

H_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i .



X_i là tổng các hệ số tiêu chí của huyện thứ i theo công thức:

$$X_i = (TL_i + QM_i) \times 3 + (TR_i + TS_i)$$

TL_i là hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i

QM_i là hệ số tiêu chí tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i

TR_i là hệ số tiêu chí số trường cao đẳng, trung cấp giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn huyện thứ i

TS_i là hệ số tiêu chí số lượng tuyển sinh trên địa bàn huyện thứ i

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho cấp huyện để thực hiện Tiêu dự án 1 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

b) Vốn sự nghiệp

- Phân bổ tối đa 25% tổng số vốn sự nghiệp ngân sách trung ương của Tiêu dự án cho các Sở, ngành.

- Phân bổ tối thiểu 35% tổng số vốn sự nghiệp ngân sách trung ương của Tiêu dự án cho các huyện để hỗ trợ một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn

Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
- Dưới 8%	0,4
- Từ 8% đến dưới 15%	0,5
- Từ 15% đến dưới 25%	0,6
- Từ 25% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
- Dưới 1.200 hộ	0,4
- Từ 1.200 hộ đến dưới 2.400 hộ	0,45
- Từ 2.400 hộ đến dưới 3.600 hộ	0,5
- Từ 3.600 hộ trở đến dưới 4.800 hộ	0,6
- Từ 4.800 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,7
- Từ 6.000 hộ đến dưới 7.200 hộ	0,8
- Từ 7.200 hộ trở lên	0,9
3. Tiêu chí 3: Cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập của huyện	
- Mỗi một trung tâm giáo dục nghề nghiệp	0,1

Tiêu chí	Hệ số
- Mỗi một trường trung cấp	0,2
- Mỗi một trường cao đẳng	0,3
4. Tiêu chí 4: Số lượng tuyển sinh trên địa bàn huyện	
- Dưới 200 người/năm	0,5
- Từ 200 người/năm đến dưới 400 người/năm	0,6
- Từ 400 người/năm trở lên	0,7

Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$I_i = Q \times X_i$$

Trong đó:

I_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện thứ i theo công thức:

$$X_i = (TL_i + QM_i) \times 3 + (TR_i + TS_i).$$

TL_i là hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i

QM_i là hệ số tiêu chí tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i

TR_i là tổng hệ số tiêu chí số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập của huyện thứ i được tính theo công thức:

$$TR_i = 0,3 \times CD_i + 0,2 \times TC_i + 0,1 \times TT_i$$

CD_i là số trường cao đẳng công lập của huyện thứ i

TC_i là số trường trung cấp công lập của huyện thứ i

TT_i là số trung tâm giáo dục nghề nghiệp công lập của huyện thứ i

TS_i là hệ số tiêu chí số lượng tuyển sinh trên địa bàn huyện thứ i

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

G là tổng số vốn sự nghiệp ngân sách trung ương phân bổ cho cấp huyện để hỗ trợ một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập của tỉnh có huyện nghèo thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

- Phân bổ tối thiểu 40% tổng số vốn sự nghiệp ngân sách trung ương của Tiểu dự án cho các huyện để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo

Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
- Dưới 8%	0,4
- Từ 8% đến dưới 15%	0,5
- Từ 15% đến dưới 25%	0,6
- Từ 25% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
- Dưới 1.200 hộ	0,4
- Từ 1.200 hộ đến dưới 2.400 hộ	0,45
- Từ 2.400 hộ đến dưới 3.600 hộ	0,5
- Từ 3.600 hộ trở đến dưới 4.800 hộ	0,6
- Từ 4.800 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,7
- Từ 6.000 hộ đến dưới 7.200 hộ	0,8
- Từ 7.200 hộ trở lên	0,9
3. Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
- Huyện nghèo	0,12
- Mỗi một xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	0,015
4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	
Mỗi xã/phường/thị trấn	0,0092
5. Tiêu chí 5: Số lượng tuyển sinh trên địa bàn huyện	
- Dưới 200 người/năm	0,5
- Từ 200 người/năm đến dưới 400 người/năm	0,6
- Từ 400 người/năm trở lên	0,7

Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$K_i = Q \times X_i$$

Trong đó:

K_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện thứ i theo công thức:

$$X_i = TL_i + QM_i + 0,12 \times HN + 0,015 \times XN_i + ĐV_i + TS_i$$

TL_i là hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i

QM_i là hệ số tiêu chí tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i

HN (1; 0) huyện nghèo = 1; huyện không nghèo = 0

XN_i là số xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo của huyện thứ i

$ĐV_i$ là tổng hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i

TS_i là hệ số tiêu chí số lượng tuyển sinh các đối tượng của Tiểu dự án trên địa bàn huyện thứ i

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

G là tổng số vốn sự nghiệp ngân sách trung ương phân bổ cho cấp huyện thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 của Chương trình để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

a) Phân bổ vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án: tối đa 25% cho các Sở, ngành; tối thiểu 75% cho các huyện.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn và phương pháp tính cho các huyện:

- Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của xã	
- Dưới 15%	0,4
- Từ 15% đến dưới 30%	0,5
- Từ 30% đến dưới 45%	0,6
- Từ 45% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của xã	
- Dưới 150 hộ	0,4
- Từ 150 hộ đến dưới 300 hộ	0,45
- Từ 300 hộ đến dưới 450 hộ	0,5
- Từ 450 hộ trở đến dưới 600 hộ	0,6
- Từ 600 hộ đến dưới 750 hộ	0,7
- Từ 750 hộ đến dưới 900 hộ	0,8
- Từ 900 hộ trở lên	0,9
3. Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
- Huyện nghèo	0,12
- Mỗi một xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	0,015

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$L_i = Q \times X_i \times Y_i$$

Trong đó: L_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của các xã ĐBKK bãi ngang, ven biển và hải đảo hoặc các xã thuộc huyện nghèo trong huyện thứ i

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn của huyện nghèo, huyện có xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo thứ i , theo công thức:

$$Y_i = 0,12 \times HN + 0,0015 \times XN_i$$

HN (1; 0) huyện nghèo = 1; huyện không nghèo = 0

XN_i là số xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo của huyện thứ i

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \times Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương để phân bổ cho cấp huyện thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

3. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

a) Phân bổ vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án: tối đa 20% cho các Sở, ngành; tối thiểu 80% cho các huyện.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn và phương pháp tính cho các huyện

- Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
- Dưới 8%	0,4
- Từ 8% đến dưới 15%	0,5
- Từ 15% đến dưới 25%	0,6
- Từ 25% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
- Dưới 1.200 hộ	0,4
- Từ 1.200 hộ đến dưới 2.400 hộ	0,45
- Từ 2.400 hộ đến dưới 3.600 hộ	0,5
- Từ 3.600 hộ trở đến dưới 4.800 hộ	0,6
- Từ 4.800 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,7
- Từ 6.000 hộ đến dưới 7.200 hộ	0,8

Tiêu chí	Hệ số
- Từ 7.200 hộ trở lên	0,9
3. Tiêu chí 3: Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn huyện	
- Dưới 10.000 người	1
- Từ 10.000 người đến dưới 20.000 người	1,3
- Từ 20.000 người đến dưới 30.000 người	1,6
- Từ 30.000 người đến dưới 40.000 người	1,9
- Từ 40.000 người đến dưới 50.000 người	2,2
- Từ 50.000 người trở lên	2,5

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$M_i = Q \times X_i \times Y_i$$

Trong đó:

M_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i

Y_i là hệ số lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của huyện thứ i

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \times Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương để phân bổ cho cấp huyện để thực hiện Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

V. Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo ĐaKrông

1. Vốn sự nghiệp ngân sách trung ương phân bổ cho huyện nghèo ĐaKrông trên cơ sở kế hoạch hàng năm căn cứ nhu cầu xây mới, sửa chữa nhà ở của hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện.

2. Định mức hỗ trợ: nhà xây mới 40.000.000 đồng/hộ; sửa chữa nhà 20.000.000 đồng/hộ từ vốn sự nghiệp ngân sách trung ương.

VI. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

1. Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

a) Phân bổ vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án: tối đa 30% cho các Sở, ngành; tối thiểu 70% cho các huyện.

b) Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn và phương pháp tính cho các huyện

- Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
- Dưới 8%	0,4
- Từ 8% đến dưới 15%	0,5
- Từ 15% đến dưới 25%	0,6
- Từ 25% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
- Dưới 1.200 hộ	0,4
- Từ 1.200 hộ đến dưới 2.400 hộ	0,45
- Từ 2.400 hộ đến dưới 3.600 hộ	0,5
- Từ 3.600 hộ trở đến dưới 4.800 hộ	0,6
- Từ 4.800 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,7
- Từ 6.000 hộ đến dưới 7.200 hộ	0,8
- Từ 7.200 hộ trở lên	0,9
3. Tiêu chí 3. Địa bàn khó khăn	
- Huyện nghèo	0,12
- Mỗi một xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	0,015
4. Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	
Mỗi xã/phường/thị trấn	0,0092

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$N_i = Q \times X_i \times Y_i + D_i$$

Trong đó:

N_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i quy định tại theo công thức:

$$Y_i = 0,12 \times HN + 0,015 \times XN_i + ĐV_i.$$

HN (1; 0) huyện nghèo = 1; huyện không nghèo = 0

XN_i là số xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo của huyện thứ i

$ĐV_i$ là tổng hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i

D_i là nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin theo hướng dẫn của cơ quan chủ trì Tiểu dự án của huyện thứ i

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G - D}{\sum_{i=1}^n X_i \times Y_i}$$

Trong đó: G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho cấp huyện để thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 6; D là tổng nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin của tỉnh.

2. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

a) Phân bổ vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án: tối đa 35% cho các Sở, ban ngành cấp tỉnh; tối thiểu 65% cho các huyện.

b) Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn và phương pháp tính cho các huyện

- Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
- Dưới 8%	0,4
- Từ 8% đến dưới 15%	0,5
- Từ 15% đến dưới 25%	0,6
- Từ 25% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
- Dưới 1.200 hộ	0,4
- Từ 1.200 hộ đến dưới 2.400 hộ	0,45
- Từ 2.400 hộ đến dưới 3.600 hộ	0,5
- Từ 3.600 hộ trở đến dưới 4.800 hộ	0,6
- Từ 4.800 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,7
- Từ 6.000 hộ đến dưới 7.200 hộ	0,8
- Từ 7.200 hộ trở lên	0,9
3. Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
- Huyện nghèo	0,12
- Mỗi một xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	0,015
4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	
Mỗi xã/phường/thị trấn	0,0092

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$P_i = Q \times X_i \times Y_i$$

Trong đó:

P_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i quy định tại theo công thức:

$$Y_i = 0,12 \times HN + 0,015 \times XN_i + ĐV_i$$

HN (1; 0) huyện nghèo = 1; huyện không nghèo = 0

XN_i là số xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo của huyện thứ i

$ĐV_i$ là tổng hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \times Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho cấp huyện để thực hiện Tiểu dự án 2, thuộc Dự án 6.

VII. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

1. Phân bổ vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án: tối đa 45% cho các Sở, ngành; tối thiểu 55% cho các huyện.

2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
- Dưới 8%	0,4
- Từ 8% đến dưới 15%	0,5
- Từ 15% đến dưới 25%	0,6
- Từ 25% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
- Dưới 1.200 hộ	0,4
- Từ 1.200 hộ đến dưới 2.400 hộ	0,45
- Từ 2.400 hộ đến dưới 3.600 hộ	0,5
- Từ 3.600 hộ trở đến dưới 4.800 hộ	0,6
- Từ 4.800 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,7
- Từ 6.000 hộ đến dưới 7.200 hộ	0,8
- Từ 7.200 hộ trở lên	0,9

Tiêu chí	Hệ số
3. Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
- Huyện nghèo	0,12
- Mỗi một xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	0,015
4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	
Mỗi xã/phường/thị trấn	0,0092

3. Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$R_i = Q \times X_i \times Y_i$$

Trong đó:

R_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i quy định tại theo công thức:

$$Y_i = 0,12 \times HN + 0,015 \times XN_i + ĐV_i$$

HN (1; 0) huyện nghèo = 1; huyện không nghèo = 0

XN_i là số xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo của huyện thứ i

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \times Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho cấp huyện để thực hiện Dự án 7.



Phụ lục II

TỔNG HỢP TỶ LỆ VÀ ĐIỂM HỆ SỐ CÁC DỰ ÁN, TIÊU DỰ ÁN THÀNH PHẦN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO GIAI ĐOẠN 2021-2025 CỦA SỞ, NGÀNH VÀ CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

(Kèm theo Nghị quyết số 23 /2022/NQ-HĐND, ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)

Stt	Dự án/ Tiêu dự án thành phần	Số; ngành (%)	Tổng hệ số cấp huyện	Chia theo các huyện, thị xã, thành phố										
				Đông Hà	Quảng Trị	Cam Lộ	Đa Krông	Gio Linh	Hải Lăng	Hương Hóa	Triệu Phong	Vinh Linh	Cồn Cỏ	
I	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo, xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	0	0,84											
1	Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo (*)	0	6,0				0,84							
2	Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	0						1,0	2,0					3,0
II	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	0	1,890	0,079	0,037	0,063	0,629	0,194	0,222	0,309	0,166	0,141	0,051	
III	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng													
1	Tiêu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	0	1,890	0,079	0,037	0,063	0,629	0,194	0,222	0,309	0,166	0,141	0,051	
2	Tiêu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	0	2,136	0,083	0,046	0,074	0,767	0,201	0,237	0,309	0,199	0,166	0,054	
IV	Dự án 4: Phát triển giao dịch nghề nghiệp, việc làm bền vững													

Stt	Dự án/Tiểu dự án thành phần Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn (**)	Số,	Tổng hệ	Chia theo các huyện, thị xã, thành phố														
1																		
a	Hoạt động 1 (Vốn đầu tư)	20%	34,150	3,450	2,900	3,050	5,100	3,600	3,700	5,400	3,700	3,700	3,700	3,700	3,700	3,700	3,250	
b	Hoạt động 2 (Vốn sự nghiệp)	25%	35,050	3,550	3,000	3,150	5,200	3,700	3,800	5,500	3,800	3,800	3,800	3,800	3,800	3,800	3,350	
c	Hoạt động 3 (Vốn sự nghiệp)		16,365	1,633	1,346	1,424	2,340	1,771	1,877	2,393	1,866	1,866	1,866	1,866	1,866	1,866	1,716	
2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	25%	2,032				1,962	0,014	0,056									
3	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	20%	19,900	2,375	1,040	1,360	2,400	2,200	1,900	4,000	2,500	2,500	2,500	2,500	2,500	2,125		
V	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo.	0%																
VI	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin																	
1	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	30%	1,528	0,079	0,037	0,063	0,359	0,171	0,177	0,309	0,166	0,166	0,166	0,166	0,141	0,027		
2	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	35%	1,528	0,079	0,037	0,063	0,359	0,171	0,177	0,309	0,166	0,166	0,166	0,166	0,141	0,027		
VII	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	45%	1,528	0,079	0,037	0,063	0,359	0,171	0,177	0,309	0,166	0,166	0,166	0,166	0,141	0,027		

Ghi chú:

(*) Trong trường hợp trung ương phân bổ ghi trực tiếp cho huyện nghèo ĐaKrông thì thực hiện phân bổ 100% số vốn trung ương.

(**) Vốn sự nghiệp Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 phân bổ: Sở, ngành: 25%; cấp huyện 75%, trong đó: Hoạt động 2: 35%, Hoạt động 3: 40%.